

**XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH
VỮNG MẠNH; BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH; THÚC ĐẨY
KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO; PHÁT HUY
TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG, KHỎI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN
DÂN TỘC, KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN, TIỀM NĂNG, LỢI THẾ TẠO
ĐỘT PHÁ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐƯA TÂY NINH TRỞ THÀNH
TỈNH PHÁT TRIỂN KHÁ CỦA CẢ NƯỚC VÀO NĂM 2030**

*(Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá X trình Đại hội
đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025)*

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X ĐẢNG BỘ TỈNH**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, thời cơ, thách thức đan xen: sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu quan trọng, toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng được Đảng, Nhà nước đẩy mạnh, tạo niềm tin trong Nhân dân; chính trị - xã hội ổn định, uy tín, vị thế của đất nước được nâng cao trên trường quốc tế.

Hệ thống chính trị tỉnh nhà thể hiện quyết tâm và khát vọng vươn lên mạnh mẽ, kinh tế - xã hội có bước phát triển quan trọng và đạt nhiều thành tựu, tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá cao; đầu tư trong và ngoài nước có nhiều khởi sắc, hợp tác được mở rộng; quốc phòng, an ninh và đối ngoại được củng cố, tăng cường; an sinh xã hội được bảo đảm; cải cách hành chính chuyển biến tích cực; công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được củng cố ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Bên cạnh thuận lợi và khó khăn, thách thức, từ yếu kém nội tại của nền kinh tế, những bất cập trong quản lý, điều hành, những vấn đề phát sinh chưa giải quyết triệt để, đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Song với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự điều hành có hiệu quả của chính quyền, sự chung sức, đồng lòng của cả

hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân; kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những thành tựu quan trọng nổi bật, hầu hết các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh đề ra.

I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Thành tựu

1.1. Về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh

1.1.1. Kinh tế phát triển nhanh, toàn diện, đạt nhiều thành tựu nổi bật

Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 7,2%, cao hơn mức bình quân của cả nước⁽¹⁾. Quy mô nền kinh tế tăng gấp 1,68 lần so với giai đoạn trước. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.135 USD, cao gấp 1,51 lần so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm 76,9% trong GRDP⁽²⁾. Năng suất lao động tăng bình quân 5,7%/năm, đạt 123,7 triệu đồng/người (năm 2020).

Công nghiệp tăng trưởng khá và đóng góp cao cho tăng trưởng kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15,4%/năm; công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến được hình thành⁽³⁾. Công nghiệp điện năng phát triển mạnh, nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về điện mặt trời⁽⁴⁾.

Tập trung cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao chuỗi giá trị. Gắn sản xuất, chế biến với xuất khẩu; chú trọng triển khai các chính sách hỗ trợ nông nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp⁽⁵⁾. Khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao; tăng cường liên kết sản xuất⁽⁶⁾, phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, quy mô lớn và an toàn sinh học; phát huy năng lực sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản⁽⁷⁾. Quan tâm đầu tư hạ tầng nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, thích ứng và hạn chế tác động tiêu cực từ thời tiết, dịch bệnh; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển các loại rừng từng bước gắn với phát triển du lịch sinh thái. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

⁽¹⁾ Năm 2020, tăng trưởng GDRP của tỉnh đạt mức 3,9% (Kế hoạch năm 2020 đạt mức tăng trưởng 8%).

⁽²⁾ Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng; dịch vụ; nông - lâm - thủy sản trong GRDP năm 2020 tương ứng 44,5% - 32,4% - 20,3%.

⁽³⁾ Tỉnh đã thu hút xây dựng và đưa vào hoạt động 01 nhà máy chế biến rau quả Tanifood với tổng mức đầu tư 1.820 tỷ đồng, công suất 500 tấn nguyên liệu/ngày và 01 trang trại bò sữa Vinamilk Tây Ninh đạt tiêu chuẩn GlobalGAP với tổng đàn 8.000 con.

⁽⁴⁾ Trên địa bàn tỉnh có 02 nhà máy thủy điện nhỏ với tổng công suất lắp đặt là 3MW, 09 nhà máy điện năng lượng mặt trời với tổng công suất vận hành hiện tại là 678 MWp và 01 nhà máy điện sinh khối với công suất lắp đặt 37MW.

⁽⁵⁾ Bên cạnh thị trường truyền thống như Trung Quốc, ASEAN; nhiều sản phẩm nông nghiệp như hạt điều, cao su đã xuất sang các thị trường “khó tính” như: Mỹ, EU.

⁽⁶⁾ Ban hành một số chính sách hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, đào tạo nghề, cung cấp thông tin cho người dân; chuyển đổi mô hình sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, cơ giới hóa nông nghiệp.

⁽⁷⁾ Toàn tỉnh có 04 nhà máy chế biến đường, đạt công suất 15.800 tấn/ngày; 65 nhà máy chế biến tinh bột sắn, đạt công suất 6,4 triệu tấn củ/năm; 23 nhà máy chế biến mù cao su, đạt công suất 48.000 tấn nguyên liệu/năm; 20 nhà máy chế biến hạt điều, đạt công suất 20.000 tấn/năm và 01 nhà máy chế biến rau, củ quả đạt công suất 500 tấn nguyên liệu/ngày. Cây lúa có tỷ lệ cơ giới hóa cao nhất đạt 100% cơ giới hóa đối với khâu làm đất, 2,5% đối với khâu gieo, cấy, 65 - 70% đối với khâu chăm sóc, 80 - 90% đối với khâu thu hoạch và vận chuyển. Cây mía có tỷ lệ cơ giới hóa 99% đối với khâu làm đất, 25 - 35% đối với khâu chăm sóc, 14% đối với khâu thu hoạch và 99% đối với khâu vận chuyển. Cây mì với 96% cơ giới hóa đối với khâu làm đất, 15 - 30% đối với khâu chăm sóc, 3% đối với khâu thu hoạch và 97% đối với khâu vận chuyển. Ngoài ra, các vườn cây ăn trái cũng có xu hướng cơ giới hóa trên nhiều khâu chăm sóc với các loại máy: xới cỏ; tưới phun, tưới nhỏ giọt; hệ thống tưới phân, thuốc; phun thuốc BVTV, xử lý ra hoa bằng máy; giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân đất trồng trọt đến năm 2020 đạt 100 triệu đồng/ha, tăng 15,7% so với năm 2016.

nông thôn mới làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị⁽⁸⁾.

Thương mại - dịch vụ và du lịch có nhiều khởi sắc. Xuất khẩu tăng bình quân 8%/năm, tổng kim ngạch xuất khẩu gấp 02 lần so với giai đoạn trước⁽⁹⁾. Chú trọng tìm kiếm, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Hệ thống bán lẻ hiện đại (siêu thị, cửa hàng tiện ích...) hình thành ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố. Các loại hình dịch vụ: bưu chính viễn thông, vận tải công cộng (xe bus, taxi), dịch vụ lưu trú, ăn uống... phát triển nhanh. Hệ thống khách sạn đạt tiêu chuẩn hình thành⁽¹⁰⁾. Tăng cường hợp tác, liên kết vùng trong phát triển du lịch⁽¹¹⁾; sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng hơn, từng bước hình thành và kết nối chuỗi giá trị. Tập trung đầu tư phát triển khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen trở thành tâm điểm kết nối, lan tỏa du lịch địa phương⁽¹²⁾. Năm 2020, du lịch địa phương chịu sự tác động lớn từ đại dịch Covid-19, song mức tăng trưởng bình quân 5 năm vẫn đạt cao hơn giai đoạn trước cả về doanh thu và lượng khách du lịch⁽¹³⁾.

Tốc độ thu ngân sách hằng năm tăng bình quân 9,9%/năm, tổng thu ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 tăng gần 2 lần so với giai đoạn 2010 - 2015⁽¹⁴⁾. Năm 2020, thu ngân sách tiệm cận 10.000 tỷ đồng. Điều hành ngân sách chặt chẽ, đúng quy định, hiệu quả và tiết kiệm. Huy động và sử dụng nguồn lực cho đầu tư phát triển tập trung, hiệu quả, khắc phục cơ bản về tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí⁽¹⁵⁾. Tỷ lệ đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 2015 - 2020 chiếm 37,5% GRDP, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Doanh nghiệp có bước phát triển; kinh tế hợp tác, hợp tác xã được quan tâm củng cố. Quan tâm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, chuyển đổi công nghệ, đổi mới, sáng tạo. Thành lập và tạo điều kiện cho Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ phát huy vai trò là sợi dây liên kết giữa chính quyền với doanh nghiệp. Thực hiện việc tiếp xúc, đối thoại thường xuyên, tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp và cấp uỷ, chính quyền. Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh tế hợp tác xã, tạo điều kiện phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới. Giai đoạn 2016 - 2020, doanh nghiệp thành lập mới tăng 1,5 lần so với giai đoạn 2010 - 2015⁽¹⁶⁾.

⁽⁸⁾ Đến năm 2020, có 45/71 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 63,4%; bình quân toàn tỉnh đạt 17,1 tiêu chí/xã, tăng 3,5 tiêu chí so với năm 2016. Thành phố Tây Ninh và Thị xã Hòa Thành hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

⁽⁹⁾ Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 đạt 19.000 triệu USD, tăng bình quân 8%/năm. Xuất khẩu chủ yếu dựa vào nhóm hàng công nghiệp (chiếm 81,8%); trong đó, mặt hàng dệt may chiếm tỷ trọng lớn nhất là 20,3%.

⁽¹⁰⁾ Khu hỗn hợp trung tâm thương mại, shophouse, khách sạn 5 sao Vinpearl Tây Ninh.

⁽¹¹⁾ Ngày 28-6, tại Thành phố Tây Ninh, diễn ra Lễ ký Thỏa thuận Liên kết hợp tác du lịch vùng Đông Nam Bộ giữa uỷ ban nhân dân các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai nhằm hiện thực hóa Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

⁽¹²⁾ Khánh thành và đưa vào sử dụng hệ thống các tuyến cáp treo lên đỉnh Núi Bà Đen và các công trình phụ trợ; nhà ga cáp treo số 01 đạt kỷ lục Guinness về nhà ga cáp treo lớn nhất thế giới.

⁽¹³⁾ **Doanh thu du lịch tăng bình quân 15,1%/năm, số lượng khách đến tham quan tăng bình quân 15%/năm.**

⁽¹⁴⁾ Tổng thu ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 là 41.399 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân là 9,9%/năm; trong đó, thu nội địa tăng bình quân là 13,1%/năm.

⁽¹⁵⁾ Tổng vốn thực hiện đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020: **15.730,704** tỷ đồng.

⁽¹⁶⁾ Doanh nghiệp đăng ký mới giai đoạn 2016 - 2020 là 2.800 doanh nghiệp với số vốn điều lệ là 26.000 tỷ đồng, trong đó doanh nghiệp FDI là 120 doanh nghiệp với số vốn điều lệ khoảng 500 triệu USD. Cơ cấu doanh nghiệp thành lập mới bao gồm:

Thu hút đầu tư tăng mạnh, nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có tỷ lệ thu hút đầu tư nước ngoài cao. Đầu tư trong và ngoài nước tăng gấp 02 lần so với giai đoạn 2010 - 2015⁽¹⁷⁾. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 552 dự án đầu tư trong nước, với tổng số vốn đăng ký 77.943,06 tỷ đồng và 350 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đăng ký 7,77 tỷ USD. Các dự án đầu tư trong và ngoài nước là nguồn lực quan trọng, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh tăng trưởng cao trong thời gian qua.

Cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông (cầu, đường) được chú trọng đầu tư, đạt kết quả quan trọng. Đa dạng hóa các nguồn lực; tập trung đầu tư có trọng điểm các tuyến đường giao thông huyết mạch mang tính kết nối vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh⁽¹⁸⁾. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, đề xuất chủ trương phát triển dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, tạo sự đột phá về hạ tầng giao thông. Khẩn trương thi công công trình thủy lợi đưa nước vượt sông Vàm Cỏ Đông để phục vụ tưới tiêu.

Đô thị có bước phát triển, tỷ lệ đô thị hóa tăng gấp 02 lần so với giai đoạn trước, đạt 41,8%⁽¹⁹⁾. Chú trọng phát triển nhà ở đô thị theo hướng hiện đại, văn minh có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Một số dự án phát triển nhà ở được đầu tư, tạo diện mạo mới đô thị thành phố Tây Ninh và một số huyện, thị xã⁽²⁰⁾. Năm 2020, thành phố Tây Ninh cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II, huyện Trảng Bàng và huyện Hòa Thành được công nhận là đô thị loại IV và trở thành thị xã.

1.1.2. Văn hóa - Xã hội chuyển biến tích cực, hầu hết các chỉ tiêu đạt và vượt Nghị quyết đề ra⁽²¹⁾, xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, y tế đạt nhiều kết quả⁽²²⁾. Khoa học - công nghệ tiếp tục đổi mới và phát triển. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu được quan tâm.

Hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị. Chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền

công nghiệp - xây dựng chiếm 34%, thương mại - dịch vụ chiếm 62% và nông - lâm - thủy sản chiếm 4%. Tổng số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế khoảng 5.000 doanh nghiệp.

⁽¹⁷⁾ Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã thu hút 367 dự án đầu tư trong và ngoài nước, với tổng số vốn đăng ký 4.574 triệu USD và 43.898 tỷ đồng.

⁽¹⁸⁾ Tổng đầu tư toàn xã hội trung bình chiếm 37,5% GRDP/năm. Giảm dần tỷ trọng vốn nhà nước đầu tư một cách hợp lý, năm 2011: 20,8%, năm 2016: 15% và đến cuối năm 2020: 13,3%. Tỷ lệ chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi ngân sách nhà nước, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 37,2%. Trong giai đoạn, tỉnh đã thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng giao thông như: Dự án Nâng cấp, cải tạo và nâng cấp đường 30-4, dự án đường 794 từ ngã ba Kà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 1); đường và cầu Bến Đình; nâng cấp, mở rộng đường Điện Biên Phủ; đường Kà Tum - Tân Hà thuộc Dự án đường cửa khẩu biên mậu; mở rộng đường Nguyễn Văn Linh...

⁽¹⁹⁾ Hoàn thành 100% công tác phát triển đô thị cho 09 đô thị hiện hữu trên địa bàn tỉnh, gồm thành phố Tây Ninh là đô thị loại II, đô thị Trảng Bàng, Hòa Thành đạt đô thị loại IV và 06 đô thị loại V là các thị trấn thuộc huyện Gò Dầu, Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu, Dương Minh Châu.

⁽²⁰⁾ Kêu gọi đầu tư xây dựng Khu đô thị trung tâm thương mại, shophouse, khách sạn Vinpearl Tây Ninh; Khu đô thị phường III (Mai Anh Plaza), Khu đô thị phường IV, Khu đô thị ven rạch Tây Ninh, Khu đô thị Trảng Bàng...

⁽²¹⁾ Hàng năm từ 70% ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa (NQ đến năm 2020: 65-70%); 70% trở lên hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa (NQ đến năm 2020: 70-80%); 90% Trung tâm văn hóa- thể thao- học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn hoạt động hiệu quả (NQ đến năm 2020: đạt 90%).

⁽²²⁾ Về giáo dục: Tổng số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập 132 cơ sở, trong đó có 18 cơ sở đã thành lập trường, tỉ lệ trẻ học tư thục với trẻ học công lập đạt 13,3%; Trường Mầm non Quốc tế Happy Day's tổng mức đầu tư trên 27 tỷ đồng; Trường TH-THCS-THPT TTC Tây Ninh với tổng mức đầu tư 173,3 tỷ đồng; 40 trung tâm ngoại ngữ - tin học. Về y tế: Thu hút đầu tư 02 bệnh viện đa khoa: Bệnh viện Đa khoa Hồng Hưng và Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á.

thông, góp phần nâng cao nhận thức, xây dựng đời sống văn hóa, con người mới; đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được nâng lên⁽²³⁾. Tăng cường giáo dục truyền thống, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh; phòng, chống bạo lực học đường. Công tác hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh được quan tâm; cơ sở vật chất, trường, lớp được đầu tư theo hướng chuẩn hóa⁽²⁴⁾. Tổ chức tốt kỳ thi trung học phổ thông quốc gia hằng năm chặt chẽ, nghiêm túc, an toàn, không để xảy ra sai sót, tiêu cực. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đạt kết quả tích cực, nhiều chỉ tiêu đạt cao hơn bình quân chung của cả nước.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm, phát triển về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất⁽²⁵⁾. Hệ thống y tế công lập được củng cố, nâng cao năng lực, chất lượng khám và điều trị bệnh, tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế được nâng lên; y tế tư nhân phát triển đa dạng với nhiều loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Năm 2020, ngành y tế cùng hệ thống chính trị thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Y tế dự phòng, công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ và trẻ em được chú trọng thường xuyên.

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Củng cố, nâng cao chất lượng thiết chế văn hóa, các cuộc vận động. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, di sản văn hóa (vật thể, phi vật thể) được quan tâm, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa và tinh thần của Nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, tỷ lệ người dân thường xuyên tập thể dục đạt 33%. Đặc biệt lần đầu tiên thể thao thành tích cao của tỉnh có vận động viên đạt huy chương vàng đơn nam môn Tennis tại SEA Games 30.

Khoa học - công nghệ có bước phát triển về số lượng, chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, quản lý, quốc phòng, an ninh... Nhiều đề tài khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có tính thực tiễn và mang lại hiệu quả cao.

Năng lực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường được nâng lên. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm vi phạm về đất đai, khoáng sản và môi trường, không để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Xây dựng kịch bản

⁽²³⁾ Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,7%; huy động trẻ em 6 tuổi ra lớp hàng năm đạt 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp bậc trung học cơ sở tiếp tục học lên trung học phổ thông và trung cấp nghề đạt 90%.

⁽²⁴⁾ Giai đoạn 2016-2020 công nhận 84 trường đạt chuẩn quốc gia.

⁽²⁵⁾ Đến cuối năm 2020 đạt 7,5 bác sĩ/01 vạn dân và 25 giường bệnh/01 vạn dân, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85% so với dân số toàn tỉnh.

và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu.

1.1.3. An sinh xã hội được bảo đảm, nằm trong nhóm tỉnh, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững đạt kết quả quan trọng, nhiều chỉ tiêu vượt Nghị quyết đề ra⁽²⁶⁾. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ nâng cao đời sống hộ nghèo; tỷ lệ hộ nghèo kéo giảm còn dưới 1%⁽²⁷⁾, không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn Trung ương.

Huy động tốt nguồn lực xã hội chăm lo các đối tượng chính sách, người có công⁽²⁸⁾, 100% Mẹ Việt Nam Anh hùng được tổ chức, cá nhân nhận phụng dưỡng suốt đời⁽²⁹⁾. Thực hiện tốt chính sách bảo trợ xã hội, quan tâm chăm lo người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, neo đơn, tàn tật. Hệ thống nghĩa trang liệt sĩ thường xuyên được tu bổ và nâng cấp; thực hiện tốt công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ⁽³⁰⁾.

1.1.4. Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm thường xuyên; đồng bào các dân tộc thiểu số, tôn giáo đoàn kết, tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa và gìn giữ an ninh, trật tự ở địa phương.

Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo; quan tâm hỗ trợ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo còn nhiều khó khăn⁽³¹⁾; tạo điều kiện cho các dân tộc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa; phát huy giá trị đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo trong xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư.

Hướng dẫn các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật; chủ động, tích cực đấu tranh và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, tín ngưỡng tôn giáo vi phạm pháp luật, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Định kỳ hằng năm, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, gặp mặt giữa các tôn giáo, tạo sự đoàn kết, gắn bó. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp thường xuyên đối thoại, gặp gỡ với già làng, chức sắc các tôn giáo, góp phần tạo niềm tin, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn an ninh, trật tự, không để xảy ra “điểm nóng” liên quan đến dân tộc, tôn giáo, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Đây là điểm sáng về công tác dân tộc, tôn giáo của địa phương.

⁽²⁶⁾ Tổng kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên 1.500 tỷ đồng. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và dạy nghề đạt 70%; tỷ lệ thất nghiệp còn 1,5%; giải quyết việc làm bình quân hàng năm trên 19.000 lao động.

⁽²⁷⁾ Tỉnh ban hành các chính sách về hỗ trợ vốn sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, trợ giúp pháp lý, chính sách hỗ trợ cho đối tượng không có khả năng thoát nghèo.

⁽²⁸⁾ 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công; 100% hộ gia đình chính sách có mức sống cao hơn mức sống trung bình của tỉnh, hàng năm huy động nguồn lực trên 100 tỷ đồng hỗ trợ đối tượng chính sách.

⁽²⁹⁾ Với mức hỗ trợ bình quân trên 1.000.000 đồng/tháng.

⁽³⁰⁾ Từ năm 2016 đến tháng 7/2020: tổ chức quy tập được 1.287 bộ hài cốt, trong đó quy tập hài cốt liệt sĩ trên địa bàn tỉnh được 47 bộ.

⁽³¹⁾ Trên địa bàn có 22 dân tộc thiểu số với 4.079 hộ, 17.661 nhân khẩu, chiếm 1,6% dân số toàn tỉnh. Các dân tộc sống gắn bó, đoàn kết không có sự phân biệt đối xử, tuy nhiên đa số sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Với những chính sách hỗ trợ của tỉnh, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có nhiều khởi sắc, nhiều hộ vươn lên khá, giàu.

1.1.5. Chính trị xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững; hoạt động tư pháp chuyên biến tích cực

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt, tập trung lãnh đạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; xây dựng tiềm lực và thế trận khu vực phòng thủ, gắn kết chặt chẽ thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân; phát triển kinh tế đi đôi với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng các công trình phòng thủ, kiên cố hóa chốt dân quân, xây dựng điểm, cụm dân cư biên giới, tạo thế trận vững chắc⁽³²⁾. Chủ động ứng phó với các tình huống phức tạp nảy sinh trên biên giới, không để xảy ra xung đột, điểm nóng, bảo đảm an ninh trật tự, chủ quyền biên giới quốc gia. Chú trọng xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới luôn giữ vững, ổn định⁽³³⁾.

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở. Xây dựng lực lượng, đấu tranh có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Bảo đảm an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, dân tộc. Chủ động phòng, chống, ngăn chặn hiệu quả, không để xảy ra tình trạng mất an ninh, trật tự tại các khu công nghiệp.

Đẩy mạnh đấu tranh các loại tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy, tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”⁽³⁴⁾; chuyên hóa địa bàn phức tạp về an ninh trật tự. Không để hình thành băng nhóm tội phạm có tổ chức. Tai nạn giao thông đường bộ kéo giảm mạnh trên cả ba tiêu chí⁽³⁵⁾.

Hoạt động tư pháp chuyên biến tích cực; các cơ quan tư pháp thực hiện tốt công tác phối hợp trong hoạt động tố tụng và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chất lượng hoạt động tư pháp, hoạt động tố tụng được nâng lên, tỷ lệ án huỷ, án sửa, án oan sai, vi phạm tố tụng giảm mạnh hàng năm⁽³⁶⁾. Tổ chức bộ máy kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp được chuẩn hóa, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực, trình độ, ngày càng đáp ứng yêu cầu công tác cải cách tư pháp. Hoạt động hỗ trợ tư pháp được quan tâm; cơ sở vật chất kỹ thuật các cơ quan tư pháp được đầu tư đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của từng ngành⁽³⁷⁾.

⁽³³⁾ Tính đến tháng 6/2020: tội phạm xảy ra 6.480 vụ, giảm 258 vụ so với nhiệm kỳ trước. Tỷ lệ điều tra, phá án đạt cao (4.965 vụ, đạt tỷ lệ 97,7%).

⁽³⁴⁾ Năm 2019, Công an đã mời gọi hỏi, răn đe 1.035 đối tượng có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật có liên quan đến tín dụng đen, mời làm việc 1.269 bị hại có liên quan đến các đối tượng cho vay trên địa bàn tỉnh.

⁽³⁵⁾ Tính từ ngày 16/12/2015 đến ngày 14/12/2019 xảy ra 719 vụ, làm chết 280 người, bị thương 631 người (so với CK giảm 691 vụ, giảm 236 người chết, giảm 982 người bị thương).

⁽³⁶⁾ Năm 2015, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tây Ninh giải quyết 12.040/12.306 vụ, số án huỷ là 80 vụ, tỷ lệ 0,66%, số án sửa 305 vụ, tỷ lệ 2,53%. Đến năm 2019, giải quyết 13.271/13.962 vụ, số án huỷ 51 vụ, tỷ lệ 0,38%, số án sửa 179 vụ, tỷ lệ 1,35%. Số án thụ lý tăng 1.656 vụ, việc; án giải quyết tăng 1.231 vụ, việc; số án huỷ giảm 29 vụ, tỷ lệ giảm 0,28%; số án sửa giảm 126 vụ, tỷ lệ giảm 1,18%.

⁽³⁷⁾ Xây dựng mới trụ sở làm việc Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh; trụ sở Công an tỉnh...

1.1.6. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân được chú trọng thường xuyên, không để xảy ra “điểm nóng” về khiếu kiện

Cấp uỷ, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; từng cấp, ngành, địa phương đều bố trí nơi tiếp công dân, ban hành quy chế và phân công cán bộ tiếp công dân; người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền trực tiếp tiếp công dân, chỉ đạo giải quyết, xử lý những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định.

Với sự tập trung, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật; đồng thời, khắc phục các tồn tại trước đây nên số lượng vụ việc khiếu kiện giảm, không để xảy ra khiếu kiện đông người phức tạp⁽³⁸⁾.

1.1.7. Công tác đối ngoại được tăng cường, hợp tác được mở rộng

Các cấp uỷ, chính quyền quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Chú trọng tăng cường, củng cố quan hệ hợp tác với các tỉnh giáp biên (đã ký kết chương trình hợp tác với 04 tỉnh: Svay Rieng, Prey Veng, Tboung Khmum, Kampong Cham). Các lực lượng chức năng thường xuyên phối hợp tuần tra, kiểm soát, đấu tranh phòng, chống tội phạm, buôn lậu qua biên giới. Duy trì công tác giao ban định kỳ giữa các địa phương và lực lượng chức năng giáp biên, góp phần xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh trên tuyến biên giới.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác đã ký kết với các tập đoàn kinh tế và các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam⁽³⁹⁾.

Mở rộng quan hệ với các đối tác quốc tế⁽⁴⁰⁾. Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu hữu nghị Nhân dân, giữa các lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị - xã hội với các tỉnh giáp biên giới, tạo sự gắn kết, góp phần củng cố mối quan hệ hữu nghị, giữ vững đường biên giới hòa bình và hợp tác. Hoạt động đối ngoại góp phần quảng bá hình ảnh địa phương, thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác.

1.1.8. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua - khen thưởng theo phương châm: “thi đua thiết thực, thực chất”, “khen thưởng kịp thời, đúng thành tích”, khắc phục tình trạng “cào bằng”, “hình thức”, “chạy theo thành tích”; lãnh đạo thực hiện thành công Đại hội thi đua yêu nước lần thứ V, chú trọng hình thức khen thưởng đột xuất, khen thưởng chuyên đề; kịp thời phát hiện, tôn vinh, nhân rộng gương người tốt việc tốt, những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích

⁽³⁸⁾ Tiếp được 17.211 lượt với 15.822 người. Số đơn đủ điều kiện thụ lý là 8.619 đơn; đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết là 744 đơn (641 khiếu nại, 103 tố cáo), đã giải quyết 703 vụ việc, đạt 94,4% trên tổng số thụ lý, số còn lại đang xác minh, xem xét giải quyết. Công tác hòa giải cơ sở, đã đưa ra hòa giải 3.833 vụ, trong đó hòa giải thành 3.258 vụ, đạt tỷ lệ 85%.

⁽³⁹⁾ Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã ký kết chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành phố, tập đoàn kinh tế trong cả nước như: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, Long An, Bình Phước, Tổng Công ty hàng không Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Tập đoàn hóa chất, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn VNPT, Tập đoàn Viettel và Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

⁽⁴⁰⁾ Các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã ký kết 43 thoả thuận quốc tế, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký 06 Thoả thuận quốc tế.

trong các phong trào thi đua yêu nước⁽⁴¹⁾. Coi trọng việc phát hiện, khen thưởng các cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất, chiến đấu, công tác đã góp phần lan tỏa nhân tố tích cực trong xã hội, tạo động lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị.

1.2. Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.2.1. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức được chú trọng thường xuyên, tạo sự chuyển biến tích cực

Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong tổ chức đảng, đảng viên. Gắn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) với thực hiện quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên để tạo sự chuyển biến tích cực, toàn diện; thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, giám sát đảng viên thông qua hình thức Sổ phần đấu, tu dưỡng, rèn luyện của đảng viên, đây là cách làm mới của Đảng bộ tỉnh. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên; xử lý kịp thời các thông tin, phản ánh cán bộ, đảng viên có hành vi vi phạm đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần tạo niềm tin trong Nhân dân.

Chú trọng nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, dư luận xã hội để thông tin, tuyên truyền, định hướng; chủ động xây dựng lực lượng, đấu tranh quyết liệt, có hiệu quả trong lĩnh vực tư tưởng trên không gian mạng, góp phần ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận xã hội.

Quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Trường Chính trị tỉnh và các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Thường xuyên kiện toàn đội ngũ báo cáo viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

1.2.2. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức có nhiều đổi mới, chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị

Lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã, áp theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII; thực hiện thí điểm kiêm nhiệm một số chức danh, hợp nhất một số cơ quan có chức năng tương đồng; rà soát chức năng, nhiệm vụ, giảm khâu trung gian; hoàn thiện quy chế, quy định, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị.

⁽⁴¹⁾ Qua 05 năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công nhận 3.846 danh hiệu thi đua và tặng 18.832 bằng khen cho các tập thể, cá nhân. Nổi bật là chủ trương khen thưởng đoàn viên, hội viên, xã viên hợp tác xã và người lao động ở cơ sở, đã có 8.504 tấm gương điển hình tiên tiến là công nhân, nông dân, người lao động và quần chúng nhân dân ở cấp cơ sở được phát hiện, biểu dương và khen thưởng kịp thời. Trong khen thưởng thành tích kháng chiến, tỉnh đã đề nghị và được Chủ tịch nước ban hành Quyết định phong tặng và truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” cho 115 mẹ.

Thực hiện chặt chẽ, đúng quy định công tác cán bộ; chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý, bảo đảm cơ cấu, tính kế thừa; chú trọng đào tạo, rèn luyện cán bộ trẻ, cán bộ nữ, khắc phục tình trạng thiếu hụt cán bộ. Đánh giá cán bộ theo tiêu chí, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở đánh giá cán bộ, gắn quy hoạch với đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ. Không để xảy ra tiêu cực trong công tác cán bộ; hầu hết cán bộ được bố trí, bổ nhiệm đều được tin nhiệm cao, phát huy năng lực công tác.

Quan tâm xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nhất là tổ chức đảng các xã, huyện biên giới; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thực hiện nghiêm túc cơ chế cấp ủy viên cấp trên phụ trách, trực tiếp tham dự sinh hoạt, theo dõi, giám sát, hướng dẫn hoạt động của chi bộ, cấp ủy cấp dưới. Quan tâm củng cố, bồi dưỡng cấp ủy viên cơ sở; ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cấp ủy viên chi bộ trực thuộc ở ấp, khu phố và chi bộ doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Kịp thời củng cố, kiện toàn tổ chức đảng phù hợp với hệ thống tổ chức hành chính; 100% ấp, khu phố có chi bộ, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng ở tất cả các địa bàn, lĩnh vực.

Quan tâm bồi dưỡng, kết nạp đảng viên, nhất là trong lực lượng đoàn viên, thanh niên, trí thức, sinh viên, công nhân, dân tộc, tôn giáo. Hoàn thành, vượt chỉ tiêu phát triển đảng viên trong nhiệm kỳ⁽⁴²⁾. Công tác quản lý đảng viên từng bước đi vào nề nếp. Thường xuyên rà soát, theo dõi, đánh giá đảng viên, kịp thời phát hiện, xử lý đảng viên vi phạm theo đúng quy định; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách, suy thoái, biến chất.

Đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên chặt chẽ, khách quan, thực chất hơn⁽⁴³⁾. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm thường xuyên, chặt chẽ, đúng quy định, phục vụ kịp thời công tác cán bộ.

1.2.3. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, những vấn đề bức xúc được dư luận quan tâm; thực hiện tốt phương châm “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, giám sát mở rộng”, gắn kiểm tra, giám sát tổ chức đảng với kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu. Qua kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, khắc phục sai sót, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, chú trọng công tác hậu kiểm sau kiểm tra, sau giám sát⁽⁴⁴⁾.

⁽⁴²⁾ Trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 7.338 đảng viên, đưa tỷ lệ đảng viên so với dân số lên 3,19% (Nghị quyết 3%); riêng 20 xã biên giới kết nạp 765 đảng viên, tỷ lệ đạt 1,98% so với dân số (Nghị quyết 1,8%).

⁽⁴³⁾ Trong nhiệm kỳ, bình quân xếp loại tổ chức cơ sở đảng giai đoạn 2015-2017 đạt “trong sạch vững mạnh” chiếm 49,66% (Nghị quyết 50%), giai đoạn 2017-2020 đạt “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” 18,89% (Quy định không quá 20%), riêng 20 đảng bộ xã biên giới tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 87% (Nghị quyết 90%); phân loại đảng viên đạt mức “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên đạt 94,87% (Nghị quyết 85%).

⁽⁴⁴⁾ Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thực hiện 41.005 cuộc, phát hiện 1.426 tổ chức và 15.506 cá nhân vi phạm, tổng số tiền phạt vi phạm là 52,7 tỷ đồng, đã thu 49,9 tỷ đồng (chủ yếu vi phạm thuộc lĩnh vực giao thông, môi trường, kiểm dịch, y tế...). Thực hiện 289 cuộc thanh tra hành chính, chủ yếu trên lĩnh vực tài chính ngân sách (136/289 cuộc), còn lại là các lĩnh vực đất đai, quản lý hành chính, xây dựng cơ bản; qua đó, phát hiện vi phạm và kiến nghị thu hồi số tiền 22 tỷ đồng và 57 ha đất; đã thu hồi nộp NSNN 17,8 tỷ đồng và 42,7 ha đất.

1.2.4. Công tác phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh thường xuyên, gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, thể hiện sự quyết tâm, quyết liệt trên tinh thần không có “vùng cấm”, “vùng trắng” trong xử lý các hành vi tham nhũng. Đề cao vai trò người đứng đầu trong tự kiểm tra, tự phát hiện và tự xử lý các hành vi tham nhũng. Phát huy vai trò, tạo điều kiện để Nhân dân phản ánh, tố giác các hành vi tham nhũng; nâng cao năng lực, chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng. củng cố, kiện toàn các cơ quan phòng, chống tham nhũng⁽⁴⁵⁾.

1.2.5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đảng theo hướng sâu sát cơ sở, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

Cải tiến nội dung, phương thức tổ chức hội nghị, học tập quán triệt nghị quyết; chú trọng hình thức hội nghị trực tuyến; đề cao và phát huy vai trò của bí thư cấp uỷ trong triển khai Nghị quyết, lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo; chú trọng phân cấp, phân quyền gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng và hệ thống chính trị.

Quan tâm tổng kết thực tiễn đối với những định hướng lớn, vấn đề mới nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tính khả thi của nghị quyết cấp uỷ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Đảng. Xây dựng và đưa vào hoạt động trang thông tin của Đảng bộ tỉnh.

Đổi mới tư duy, xác định rõ các đột phá chiến lược; kiên trì, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo xử lý những vấn đề khó, phức tạp mới nảy sinh và những vấn đề tồn đọng.

1.2.6. Củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, thể hiện quyết tâm chính trị, khát vọng vươn lên vì sự phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, củng cố, sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và đại biểu Hội đồng nhân dân; thực hiện tốt quy chế phối hợp với chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; ban hành nhiều chính sách quan trọng phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa theo chức danh, vị trí việc làm, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ, chủ động, quyết tâm, trách nhiệm hơn trong thực hiện nhiệm vụ. Cải cách hành chính, môi trường đầu tư chuyển biến tích cực; chỉ số PCI, PAR Index hằng năm luôn nằm trong nhóm tốt. Tiếp tục hoàn thiện mô hình “một cửa”, đưa vào hoạt động Trung tâm hành chính công tỉnh, cấp huyện, triển

⁽⁴⁵⁾ Chuyển đổi vị trí công tác 526 cán bộ, công chức thuộc diện chuyển đổi; tổ chức kê khai, minh bạch tài sản thu nhập hàng năm tại 57 cơ quan, đơn vị và 571 đơn vị trực thuộc với số lượng đối tượng phải kê khai trên 7.000 người, đã xử lý kỷ luật 06 người; xây dựng, điều chỉnh các chế độ, định mức, tiêu chuẩn tại các đơn vị; cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, thay đổi phương thức trả lương qua tài khoản ngân hàng; xử lý trách nhiệm 05/11 thủ trưởng đơn vị để xảy ra tham nhũng. Điều tra, xét xử 11 vụ án tham nhũng với 28 bị can.

khai giai đoạn 1 Trung tâm điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, là tỉnh đầu tiên trong cả nước thực hiện thí điểm tiếp nhận một số thủ tục hành chính qua ứng dụng Zalo; ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên.

1.2.7. Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới nội dung, phương thức hoạt động

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Công tác dân vận chính quyền có chuyển biến tích cực, không ngừng phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; thực hiện tốt cơ chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp định kỳ giữa cấp uỷ, chính quyền với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; kịp thời nắm bắt, giải quyết thỏa đáng các ý kiến, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Dân chủ được mở rộng, coi trọng việc phát huy vai trò của Nhân dân tham gia vào các hoạt động quản lý xã hội, nhất là đóng góp ý kiến, giám sát các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các công trình công cộng ở cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, đa dạng hóa hình thức tập hợp quần chúng, đoàn viên, hội viên; gắn việc quan tâm lợi ích thiết thực với phát huy vai trò, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên; phát triển, quản lý đoàn viên, hội viên với xây dựng hệ thống tổ chức đoàn, hội vững mạnh; tỷ lệ tập hợp vào tổ chức đạt 82,16%. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phát huy, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hạn chế, yếu kém

Thành tựu giai đoạn 2015 - 2020 là kết quả của sự nỗ lực không ngừng, quá trình phấn đấu liên tục của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, yếu kém đó là:

2.1. Về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

Kinh tế tuy tăng trưởng nhanh, một số lĩnh vực đạt kết quả nổi bật, song nhìn chung vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô, năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế tuy có nâng lên nhưng còn thấp, năng suất lao động chưa cao. Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến phát triển chưa nhiều.

Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp còn thấp; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt chưa cao, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều. Một số chính sách hỗ trợ nông nghiệp triển khai chậm. Kết quả xây dựng nông thôn mới có mặt thiếu vững chắc; nguồn lực xây dựng nông thôn mới chủ yếu vẫn từ ngân sách nhà nước. Kinh tế

cửa khẩu chưa được phát huy tốt. Doanh nghiệp phát triển chậm, kinh tế hợp tác còn khó khăn, hợp tác xã kiểu mới chưa nhiều. Các dự án FDI phần lớn thuộc nhóm ngành nghề sử dụng nhiều lao động, công nghệ trung bình. Xây dựng cơ bản, công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn khó khăn. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; vệ sinh môi trường nông thôn, trật tự đô thị còn nhiều yếu kém. Quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, môi trường, đầu tư có mặt còn hạn chế. Chất lượng quy hoạch, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, sự gắn kết, liên thông với quy hoạch vùng chưa cao.

Văn hóa - xã hội có một số chỉ tiêu chưa thực chất. Giáo dục thường xuyên, dạy nghề chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Năng lực y tế; một số thiết chế văn hóa hoạt động chưa hiệu quả; công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa có nơi chưa kịp thời tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích; một số phong trào thi đua kết quả chưa toàn diện, thiếu vững chắc. Hoạt động khoa học - công nghệ chưa theo kịp quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cải cách hành chính có mặt chưa đồng bộ; biểu hiện nhũng nhiễu, tiêu cực có lúc, có nơi chưa giải quyết triệt để. An ninh, trật tự trên tuyến biên giới có lúc còn diễn biến phức tạp; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có mặt còn hạn chế. Công tác quản lý, giáo dục, điều trị người nghiện ma túy chưa hiệu quả, người nghiện tăng.

2.2. Về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị tuy có nhiều đổi mới, chất lượng hiệu quả hoạt động được nâng lên nhưng vẫn còn những hạn chế, yếu kém, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu.

Chỉ tiêu Đảng bộ xã biên giới hoàn thành tốt nhiệm vụ chưa đạt Nghị quyết. Việc nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và định hướng dư luận có lúc chưa kịp thời; một số ít cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống bị xử lý kỷ luật. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa cao; công tác xây dựng tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn khó khăn, nội dung, hình thức sinh hoạt chưa phù hợp. Đảng viên bị xóa tên, xin ra khỏi Đảng còn cao. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có nơi chưa quyết liệt, kết quả còn hạn chế, tình trạng “tham nhũng vặt” chưa được ngăn chặn hiệu quả. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị chưa thật sự đồng bộ, toàn diện; chỉ số hiệu quả quản trị công chậm cải thiện. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nơi tính chủ động chưa cao; hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa sâu rộng; công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với chính quyền, các cơ quan, đơn vị có lúc chưa chặt chẽ.

II - ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, hệ thống chính trị, quân và dân Tây Ninh đã tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, đạt

được những thành tựu nổi bật, toàn diện trên các lĩnh vực. Kinh tế phát triển nhanh, tăng trưởng GRDP bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung của cả nước; quy mô nền kinh tế, năng suất lao động nâng lên đáng kể so với giai đoạn trước; môi trường đầu tư cải thiện mạnh mẽ, nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có tỷ lệ thu hút đầu tư nước ngoài cao. Hạ tầng giao thông có bước phát triển; bộ mặt nông thôn, đô thị đổi thay nhanh chóng; Thành phố Tây Ninh cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II, huyện Hòa Thành và Trảng Bàng đạt tiêu chí đô thị loại IV và trở thành Thị xã. Văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực; đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân được nâng lên, an sinh xã hội được bảo đảm, kết quả giảm nghèo đạt cao, nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, chỉ số PCI, PAR Index tăng hằng năm và nằm trong nhóm tốt. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới giữ vững, ổn định. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố vững chắc. Công tác đối ngoại được tăng cường, hợp tác quốc tế được mở rộng, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị có nhiều đổi mới; chất lượng hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên nâng lên.

Tuy nhiên, trên từng lĩnh vực vẫn còn hạn chế, yếu kém như: một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế chưa đạt Nghị quyết; quy mô, năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế, năng suất lao động chưa cao; tiềm năng, lợi thế khai thác chưa đúng mức; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp còn chậm; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa thật sự đáp ứng yêu cầu phát triển; công tác quy hoạch còn bất cập, thiếu tầm nhìn dài hạn; văn hóa - xã hội có mặt chưa vững chắc, đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn; cải cách hành chính chưa toàn diện; quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực có mặt chưa tốt; nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ còn bất cập; an ninh trật tự còn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn; công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị có mặt chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ.

III- NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân thành tựu

- Nguyên nhân khách quan.

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ; sự phối hợp và hỗ trợ có hiệu quả của các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố và các tập đoàn kinh tế. Hiệu ứng lan tỏa từ sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng tác động tích cực đến sự phát triển của địa phương.

- Nguyên nhân chủ quan.

Sự chung sức, đồng lòng, khát vọng vươn lên của các cấp ủy đảng, hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đoàn kết, trách nhiệm, chủ động quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, đổi

mới tư duy trong phát triển kinh tế. Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, xác định và thực hiện có hiệu quả các đột phá chiến lược, giữ vững, ổn định chính trị xã hội... đã tạo ra nguồn lực, động lực quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra.

2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

- Nguyên nhân khách quan.

Tác động tiêu cực cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, nhất là sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ, xuất khẩu, thu hút đầu tư...

Giá cả một số sản phẩm nông nghiệp (mủ cao su, tinh bột sắn, đường) giảm mạnh, tác động lớn đến giá trị sản xuất nông nghiệp, không đạt chỉ tiêu đề ra.

Một số quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, đầu tư còn bất cập, chưa đồng bộ, thiếu linh hoạt, hạn chế tính chủ động trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong thu hút đầu tư.

Liên kết vùng chưa được phát huy, thiếu cơ chế, chính sách thúc đẩy Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển.

- Nguyên nhân chủ quan.

Một số cấp uỷ, chính quyền chưa thật sự chủ động, thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; còn tâm lý sợ rủi ro, sợ trách nhiệm, một bộ phận cán bộ, đảng viên trách nhiệm chưa cao, thiếu năng động, sáng tạo, chưa thực hiện tốt công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư; “điểm nghẽn” liên quan đến quy hoạch đất đai, đầu tư chậm được khắc phục, khơi thông; thiếu giải pháp đồng bộ, hiệu quả trong triển khai các đột phá chiến lược đã đề ra.

Một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế chưa đạt Nghị quyết, do chưa nhận định đúng tình hình, chưa dự báo được khó khăn phát sinh (giá cả, dịch bệnh...), chưa đánh giá sát, đúng khả năng, năng lực của nền kinh tế, khả năng huy động nguồn lực của địa phương.

Một số hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, ngoài yếu tố một số tổ chức đảng năng lực lãnh đạo còn hạn chế, quyết tâm chính trị chưa cao, còn do thiếu giải pháp đồng bộ để khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm, hạn chế; việc xác định trách nhiệm chưa đi đôi với xử lý về trách nhiệm; cải cách hành chính trong Đảng chưa toàn diện và thiếu đồng bộ.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2015-2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đoàn kết, thống nhất; có tư duy đổi mới, chủ động, sáng tạo, quyết tâm chính trị, khát vọng

vươn lên. Quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, có giải pháp cụ thể, phù hợp để đạt mục tiêu đề ra. Chú trọng kiểm tra, giám sát, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

Hai là, đánh giá đúng, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; xác định rõ đột phá chiến lược và động lực phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; huy động, sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển; thu hút nhà đầu tư chiến lược, hiện thực hóa các dự án trọng điểm.

Ba là, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững mục tiêu phát triển bền vững.

Bốn là, phát huy vai trò, tính tiên phong, gương mẫu, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước những khó khăn, thách thức của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân, tạo đồng thuận xã hội, góp phần giải quyết, xử lý tốt những vấn đề xã hội bức xúc, tạo sự ổn định xã hội để phát triển.

PHẦN THỨ HAI

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

GIAI ĐOẠN 2020 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐẾN NĂM 2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thời cơ, thuận lợi

Trong 5 năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Hội nhập, hợp tác phát triển vẫn giữ vai trò chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Phát triển bền vững, tăng trưởng xanh trở thành xu thế lớn, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn biến nhanh, sâu rộng, tạo ra thời cơ, cơ hội phát triển, đồng thời cũng là thách thức đối với từng quốc gia. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có vai trò ngày càng lớn trong nền kinh tế toàn cầu, các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, nhất là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực góp phần thúc đẩy thương mại toàn cầu.

Trong nước, tiềm lực quốc gia, uy tín và vị thế của đất nước ngày càng củng cố, nâng cao trên trường quốc tế. Các chủ trương, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia sẽ tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của địa phương. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/9/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm sẽ thúc đẩy liên kết vùng chặt chẽ hơn, tạo động lực mới cho Vùng kinh tế trọng điểm

phía Nam bút phá, tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển mạnh mẽ hơn.

Trong tỉnh, tiềm năng, lợi thế ngày càng rõ nét hơn, với vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế đối ngoại của đất nước, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giáp với Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật của cả nước là lợi thế để tỉnh chủ động kết nối vùng, tạo động lực phát triển. Dư địa về đất đai, tài nguyên, lao động của tỉnh dồi dào, tiềm năng cửa khẩu, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch mang tầm quốc gia và khu vực chưa được phát huy đúng mức là điều kiện thuận lợi để định hướng phát triển đồng bộ, toàn diện, thu hút đầu tư mở rộng kết nối phát triển vùng mạnh mẽ hơn, nhất là kết nối, liên thông về giao thông; việc hiện thực hóa dự án cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài sẽ tạo động lực lớn cho sự phát triển không chỉ riêng tỉnh Tây Ninh mà cả Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và thúc đẩy kinh tế đối ngoại quốc gia, tạo ra hành lang phát triển công nghiệp, đô thị. Sự đoàn kết, thống nhất, quyết tâm chính trị và khát khao lớn về sự phát triển của hệ thống chính trị và cùng với yếu tố truyền thống cách mạng của quê hương sẽ là động lực, tiềm lực chính trị, tinh thần to lớn, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững.

2. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh thời cơ, thuận lợi là những khó khăn, thách thức: sự biến đổi khí hậu gia tăng, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là hệ lụy tiêu cực từ đại dịch Covid-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế đất nước và của tỉnh. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu, chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước. Những hạn chế, yếu kém nội tại của địa phương chậm khắc phục: quy mô, năng lực và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; nguồn lực cho đầu tư phát triển còn hạn chế; nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; an ninh trật tự tiềm ẩn yếu tố phức tạp, nhất là những thách thức an ninh phi truyền thống, sự tăng tốc phát triển về kinh tế - xã hội trong thời gian tới, nhất là đẩy mạnh đầu tư phát triển về hạ tầng, công nghiệp, đô thị... vừa là cơ hội lớn để phát triển; đồng thời, cũng là thách thức không nhỏ về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nếu không thực hiện, giải quyết thấu đáo những vấn đề nảy sinh liên quan đến công tác thu hồi đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, khiếu nại, tố cáo. Những hạn chế, yếu kém trong hoạt động của hệ thống chính trị, những “bất cập, điểm nghẽn” trong hoạt động quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, đất đai, đầu tư nếu không được khắc phục, khơi thông sẽ là lực cản trong quá trình phát triển đi lên của tỉnh.

II - QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm

Thực hiện nhất quán quan điểm “phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên”.

Đoàn kết, thống nhất, đổi mới, sáng tạo, khơi dậy khát vọng vươn lên, phát huy tinh thần tự lực, tự cường và xác định các yếu tố bứt phá để phát triển nhanh, bền vững, đóng góp thiết thực vào sự phát triển của Vùng và cả nước.

Xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, bảo đảm tầm nhìn dài hạn, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, tính liên kết vùng cao, tích hợp đồng bộ các quy hoạch làm cơ sở đẩy nhanh quá trình phát triển toàn diện của địa phương.

Xác định ngành, lĩnh vực phù hợp với đặc thù, lợi thế so sánh để tập trung thu hút đầu tư; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và áp dụng các mô hình phát triển kinh tế mới.

Xây dựng hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu, định hướng giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030

2.1. Mục tiêu

Đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế và GRDP bình quân đầu người cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Đến năm 2030, trở thành địa phương phát triển khá của Vùng Đông Nam bộ và cả nước.

2.2. Định hướng phát triển

Chủ động gắn kết phát triển với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, huy động nguồn lực, tạo động lực mới thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững; duy trì nhịp độ tăng trưởng, gia tăng quy mô, năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, tập trung hoàn thành các dự án giao thông kết nối với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; hình thành trục hành lang phát triển công nghiệp, đô thị dọc tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài. Nghiên cứu đề xuất động lực mới thúc đẩy Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài phát triển mạnh mẽ. Từng bước xây dựng kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh. Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; xây dựng chính quyền điện tử. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu Tây Ninh luôn nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu về kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, sử dụng hiệu quả và bền vững về tài nguyên, môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Củng cố quốc phòng, an ninh; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Phát huy rộng rãi quyền làm chủ trực tiếp và vai trò tự quản của Nhân dân; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức

chính trị - xã hội. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ đảng; xây dựng hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp có phẩm chất, năng lực, năng động, trách nhiệm, khát khao phát triển.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Về kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh tăng bình quân từ 7,5% trở lên. Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người từ 4.500 USD trở lên; cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2025: công nghiệp - xây dựng 51 - 52%; dịch vụ 32 - 33%; nông - lâm - thủy sản 14 - 15%. Bình quân hằng năm tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP từ 36% trở lên; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng từ 15,5% trở lên; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng từ 10% trở lên; kim ngạch xuất khẩu tăng trên 8%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng từ 10% trở lên. Phấn đấu đến năm 2025: tự cân đối chi thường xuyên; tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 50% trở lên.

3.2. Về xã hội

Số lao động có việc làm tăng thêm trên 16.000 lao động/năm. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề 75%; tỷ lệ thất nghiệp: thành thị còn 1,65%, nông thôn 1,35%; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%; phấn đấu đạt từ 10 bác sĩ/01 vạn dân và 30 giường bệnh/01 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (*thể thấp còi*) dưới 19%; tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới là 100%; trong đó, 36 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12 xã nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu có ít nhất 50% số huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

3.3. Về môi trường

Đến năm 2025, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch tăng 10% so với đầu kỳ; tỷ lệ che phủ rừng (*đã loại trừ cây cao su*) từ 16,4% trở lên; tỷ lệ chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%.

3.4. Về xây dựng Đảng

Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 85%; bình quân hằng năm có 90% đảng bộ các xã biên giới đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 90%. Trong nhiệm kỳ kết nạp trên 4.800 đảng viên, đến năm 2025 tỷ lệ đảng viên đạt 3,4% trở lên so với dân số toàn tỉnh; trong đó, các xã biên giới tỷ lệ đảng viên đạt 2,1% trở lên so với dân số các xã biên giới.

4. Nhiệm vụ trọng tâm

4.1. Về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh

4.1.1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thúc đẩy khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên.

Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có hàm lượng khoa học - công nghệ, giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp. Triển khai giai đoạn 3 Khu liên hợp Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Phước Đông - Bời Lời, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu, cụm công nghiệp hiện có; nghiên cứu, quy hoạch phát triển một số khu công nghiệp và cụm công nghiệp mới. Nghiên cứu tạo động lực mới thúc đẩy Khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng công nghiệp, đô thị. Khai thác hiệu quả tiềm năng điện mặt trời tại khu vực đất bán ngập Hồ Dầu Tiếng đi đôi với phát triển đồng bộ hạ tầng lưới điện. Phát triển cảng hỗn hợp đường sông quy mô lớn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển thương mại, dịch vụ, đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh. Khuyến khích phát triển dịch vụ logistics; thúc đẩy kinh tế biên mậu, xây dựng chuỗi cung ứng hàng hóa quy mô lớn. Phát triển các ngành dịch vụ ứng dụng khoa học - công nghệ đa dạng về tiện ích.

Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; nâng cao chuỗi giá trị, gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và xuất khẩu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trong sản phẩm nông nghiệp, nhất là gia tăng giá trị sản xuất trên 1 ha, phấn đấu cao hơn mức bình quân chung của cả nước; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ giới hóa vào sản xuất. Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi đất đai, cây trồng của doanh nghiệp nhà nước; thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp; điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp phù hợp, hiệu quả, dễ tiếp cận. Phát triển chăn nuôi tập trung theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; khuyến khích phát triển bò thịt, bò sữa. Kiểm soát tốt về môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, sinh học. Chú trọng sự tham gia của cộng đồng vào chuỗi giá trị nông nghiệp. Phát triển thủy sản ở vùng có lợi thế hạ tầng, hưởng lợi nước sạch từ Hồ Dầu Tiếng. Tiếp tục đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới. Thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng, gắn phát triển rừng với du lịch sinh thái ở những nơi phù hợp.

4.1.2. Tập trung tháo gỡ những bất cập, vướng mắc, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch theo hướng “động, mở”, linh hoạt, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư

Quan tâm giải quyết bất cập trong công tác quy hoạch; khắc phục về cơ bản quy hoạch thiếu tính khả thi. Xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh kinh tế - xã hội, bảo đảm tính kết nối, liên thông với quy hoạch vùng, tích hợp đồng bộ với quy hoạch trong các lĩnh vực. Nâng cao chất lượng kế hoạch sử dụng đất, đưa đất đai trở thành nguồn lực quan trọng, phục vụ tốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

4.1.3. Khai thác mạnh mẽ, có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về du lịch

Cụ thể hóa thỏa thuận hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh miền Đông Nam bộ; chú trọng phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu du lịch đặc sắc, tăng cường tính linh hoạt của các sản phẩm, chương trình, đề án phát triển du lịch để nâng cao năng lực ứng phó trước tình hình mới như đại dịch, biến đổi khí hậu...; tăng cường xúc tiến, quảng bá, kêu gọi đầu tư, kết nối các điểm, tuyến du lịch; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý về du lịch. Phát triển khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen trở thành khu du lịch đẳng cấp của khu vực và cả nước. Thúc đẩy nhanh dự án du lịch sinh thái Đảo Nhím - Hồ Dầu Tiếng; từng bước hình thành các sản phẩm du lịch về đêm. Nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái dọc sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn; phát triển du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với khám, chữa bệnh. Khai thác và phát huy có hiệu quả các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc, đậm nét văn hóa địa phương.

4.1.4. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai phục vụ công tác quản lý và thông tin xã hội. Từng bước hiện đại hóa lĩnh vực địa chính, dịch vụ công về đất đai. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả, đúng pháp luật về đất đai do nhà nước quản lý; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong công tác quản lý, sử dụng đất.

Đánh giá, điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản và đa dạng sinh học, phục vụ quản lý và phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực giám sát về tài nguyên, môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản; xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Coi trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên - môi trường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Đầu tư xây dựng hạ tầng thu gom và xử lý nước thải ở các đô thị, khu dân cư, khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp. Triển khai đề án chống ngập thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng và huyện Gò Dầu.

4.1.5. Cải cách hành chính toàn diện, đồng bộ gắn với cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư thuận lợi, minh bạch, có tính cạnh tranh cao; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với xác định rõ trách nhiệm và xử lý về trách nhiệm. Triển khai xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến 2030. Hoàn thiện mô hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính “một cửa” ở chính quyền các cấp. Nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm hành chính công, Trung tâm điều hành kinh tế - xã hội và Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa dịch vụ hành chính công. Cải thiện mạnh mẽ các chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI, ICT Index. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thân thiện, minh bạch, có tính cạnh tranh. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo, tinh thần thái độ phục vụ, gắn kết quả đánh giá của người dân, doanh nghiệp về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư với tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức và cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu.

Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp, nhằm giải quyết kịp thời khó khăn và vướng mắc của doanh nghiệp.

Sắp xếp, kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tham mưu trong việc thực hiện công tác xúc tiến đầu tư. Đổi mới nội dung, chương trình, cách thức tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Nâng cao vai trò của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội Du lịch, Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong hoạt động xúc tiến đầu tư.

4.1.6. Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đô thị

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý tài chính, ngân sách, phấn đấu thu ngân sách hằng năm đạt và vượt dự toán; tăng cường các biện pháp để quản lý và nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; tích cực giải quyết các vướng mắc trong lĩnh vực thuế. Cơ cấu lại ngân sách và quản lý nợ vay an toàn, bền vững; huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn cho đầu tư phát triển; khắc phục triệt để đầu tư dàn trải, manh mún; giải ngân đúng tiến độ; nâng cao trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát đầu tư công.

Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án giao thông trọng điểm kết nối vùng, các dự án có tính lan tỏa, dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội,

phát triển trục hành lang công nghiệp, đô thị dọc tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài; hoàn thành dự án nâng cấp, mở rộng đường Đất Sét - Bến Củi, đường 782 - 784, triển khai đầu tư đường liên tuyến kết nối vùng N8 - 787B - 789; đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng, ngầm hóa hệ thống điện, viễn thông một số tuyến đường trung tâm trọng điểm Thành phố Tây Ninh. Phát triển vận tải đường thủy, hình thành một số bến thủy nội địa trên sông Vàm Cỏ Đông.

Chú trọng phát triển đô thị đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội, hài hòa không gian, cảnh quan, không phá vỡ, mất cân đối, gây áp lực lên hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội.

Đẩy mạnh phát triển thành phố Tây Ninh trở thành đô thị loại II, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III; huyện Gò Dầu đạt đô thị loại IV, trở thành thị xã; cải thiện, nâng cao tiêu chí đô thị các huyện còn lại. Thu hút đầu tư phát triển các dự án nhà ở, đô thị hiện đại, văn minh, thân thiện với môi trường ở những nơi có tiềm năng, điều kiện phát triển và những khu vực có lợi thế từ các dự án giao thông trọng điểm.

4.1.7. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ

Đổi mới, nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo, thu hút nhân tài đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh. Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục, du lịch, nông nghiệp, đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của các thành phần kinh tế. Nâng cao kỹ năng quản trị, năng lực quản lý; thực hiện thí điểm thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý; chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với vị trí việc làm.

Nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp; nhân rộng các mô hình: xã hội học tập, cộng đồng học tập, gia đình học tập, cơ quan, đơn vị học tập; đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, gắn đào tạo với sử dụng lao động. Xây dựng hệ thống thông tin nguồn nhân lực của tỉnh. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở đào tạo nghề hiệu quả, chất lượng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chú trọng củng cố, kiện toàn, gắn với đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh. Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn đầu tư của Nhà nước cho giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Nghiên cứu hình thành trường đại học tại tỉnh.

Hoạt động khoa học - công nghệ gắn với đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, phát huy mạnh mẽ sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong cán bộ, đảng viên, công nhân, đội ngũ trí thức và Nhân dân. Phát triển đội ngũ khoa học - kỹ thuật về số lượng, chất lượng; chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ. Mở rộng hợp tác quốc tế, hợp tác giữa các địa phương về khoa học - công nghệ.

4.1.8. Tạo sự chuyển biến toàn diện về văn hoá, xã hội nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế văn hoá, xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, trật tự, văn minh; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, phẩm chất đạo đức, lối sống, nhân cách; chú trọng xây dựng văn hóa lãnh đạo, quản lý, văn hóa kinh doanh, văn hóa ứng xử; nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở, chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các danh hiệu văn hóa.

Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong trường học. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao toàn dân, thể thao thành tích cao.

Củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả mạng lưới y tế công lập; nâng cao năng lực y tế dự phòng. Thực hiện tốt công tác dân số, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, duy trì vững chắc mức sinh thay thế. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về an sinh xã hội, nhất là chương trình quốc gia về giảm nghèo bền vững. Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện giải quyết việc làm; hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi nghiệp. Thực hiện tốt chính sách người có công, chính sách bảo trợ xã hội, giải quyết về cơ bản tồn đọng chính sách.

4.1.9. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo; củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo; tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số, phát huy giá trị đạo đức tôn giáo tốt đẹp trong thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần đồng bào vùng dân tộc, tôn giáo còn nhiều khó khăn; hướng dẫn, tạo điều kiện để các tôn giáo hoạt động đúng

pháp luật, đúng tôn chỉ mục đích; tăng cường, củng cố, xây dựng và phát huy mối quan hệ gắn bó giữa hệ thống chính trị, người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với già làng, chức sắc các tôn giáo. Duy trì các hoạt động giao lưu, gặp gỡ nhằm thắt chặt tình đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo. Chủ động, tích cực đấu tranh và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4.1.10. Củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác cải cách tư pháp; chủ động, tích cực trong công tác đối ngoại

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới và các chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng - quân sự địa phương. Củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nâng cao năng lực dự báo, nắm tình hình liên quan đến an ninh trật tự trong nội địa và trên tuyến biên giới; xử lý kịp thời những thách thức về quốc phòng, an ninh, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu “4 giảm”, nhất là tập trung đấu tranh phòng, chống và kéo giảm các loại tội phạm về ma túy, tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”; kiên quyết không để hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức trên địa bàn tỉnh; chủ động nắm tình hình, ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả, bảo đảm an ninh trật tự tại các khu công nghiệp; bảo đảm an ninh nông thôn, an ninh dân tộc và an ninh tôn giáo. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tự quản về an ninh trật tự ở cơ sở. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và phong trào xây dựng nông thôn mới để đạt kết quả toàn diện, vững chắc; đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giáo dục và điều trị người nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh, tại cộng đồng và tại gia đình; phân đấu kiểm chế, kéo giảm sự gia tăng người nghiện ma túy ở từng địa phương, địa bàn dân cư.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách tư pháp đồng bộ, toàn diện, cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra; quan tâm hỗ trợ về cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan; củng cố, kiện

toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tư pháp, hạn chế thấp nhất sai sót trong tố tụng, không để oan sai, bỏ lọt tội phạm do lỗi chủ quan; tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan tư pháp.

Tăng cường công tác đối ngoại, thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác đã ký kết với các tỉnh, thành phố và các đối tác; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.

4.2. Về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị

4.2.1. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức

Nắm chắc tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, dư luận xã hội để kịp thời tuyên truyền, định hướng. Đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận tư tưởng chính trị, nhất là trên không gian mạng.

Tăng cường đấu tranh, ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ. Có giải pháp, mô hình phù hợp nâng cao hiệu quả quản lý đảng viên.

Hoàn thiện chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, gắn với đạo đức nghề nghiệp. Chú trọng phát hiện, nhân rộng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực. Đấu tranh đẩy lùi biểu hiện quan liêu, vô cảm trước những vấn đề xã hội bức xúc.

4.2.2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị

Thực hiện chặt chẽ công tác cán bộ, đảm bảo dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, thực hiện tốt cơ chế kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; nghiên cứu, đề xuất cơ chế phát huy và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đồng thời, kiên quyết xử lý, thay thế những cán bộ thụ động, ngại khó, uy tín giảm sút, không hoàn thành nhiệm vụ...

Gắn kết chặt chẽ công tác đánh giá cán bộ với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ, bảo đảm tính “động và mở”. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực toàn diện cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ; chú trọng luân chuyển cán bộ trẻ nhằm rèn luyện và đào tạo cán bộ.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

4.2.3. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh và nâng cao chất lượng đảng viên

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân

chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết của cấp uỷ, tổ chức đảng.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ từng loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với điều kiện thực tế.

Tăng cường công tác quản lý đảng viên. Nâng cao chất lượng phát triển đảng viên; chú trọng phát triển đảng viên trong công nhân, trí thức, thanh niên, tôn giáo, dân tộc; thường xuyên đánh giá, kiên quyết xử lý, đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách theo tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá XII).

Rà soát, hoàn thiện cơ chế đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên, bảo đảm khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch, đúng thực chất.

4.2.4. Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, bảo đảm tính chủ động, toàn diện, khách quan, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ; coi trọng phòng ngừa, lấy xây là chính; kịp thời phát hiện, nhắc nhở, chấn chỉnh, ngăn chặn hành vi vi phạm. Xử lý nghiêm minh các tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát chuyên đề; tăng cường kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên; đề cao trách nhiệm tự kiểm tra, tự soi, tự uốn nắn, tự khắc phục thiếu sót, khuyết điểm. Tập trung kiểm tra, giám sát những khâu, những lĩnh vực dễ nảy sinh tiêu cực. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; chú trọng luân chuyển cán bộ làm công tác kiểm tra để đào tạo, rèn luyện và tạo nguồn cán bộ.

4.2.5. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Nâng cao nhận thức về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí của các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, gắn với tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Nâng cao trách nhiệm của người

đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng theo Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị.

Xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ các cơ quan làm nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; chú trọng phòng, chống tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan phòng, chống tham nhũng.

4.2.6. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp.

Cụ thể hóa các quy định về phân công, phân cấp, phân quyền gắn với việc kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực theo quy định của Trung ương, phù hợp điều kiện của tỉnh.

Lãnh đạo thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026. củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và chất lượng ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền kỷ cương, liêm chính, kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử.

4.2.7. Tiếp tục quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đảng theo hướng thiết thực, đồng bộ, hiệu quả

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, bảo đảm khoa học, hiệu quả, gần dân, sát cơ sở; nâng cao chất lượng công tác xây dựng, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của cấp uỷ đảng.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, giảm thủ tục, tiết giảm thời gian và nâng cao hiệu quả hội họp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động của cấp uỷ đảng.

4.2.8. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; tăng cường công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận chính quyền, trọng tâm là đẩy mạnh toàn diện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền liêm chính, kiến tạo, phục vụ Nhân dân, gắn với việc thực hiện nghiêm quy

định về đạo đức công vụ, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện có hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy vai trò làm chủ thật sự của Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận. Tăng cường phối hợp, thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị và Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát, công tác tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân. Tập trung xử lý dứt điểm, kịp thời các vấn đề xã hội bức xúc liên quan đến đời sống Nhân dân.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; khắc phục triệt để biểu hiện hành chính hóa, hướng các hoạt động về cơ sở, gần dân, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; phát huy vai trò và tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Tăng cường quản lý, tập hợp và nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên về số lượng và chất lượng, không để xảy ra tình trạng “hội viên ảo”; vận động đoàn viên, hội viên tham gia tốt công tác hòa giải, giải quyết những vấn đề liên quan đến trật tự - xã hội ở địa phương.

5. Giải pháp

5.1. Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả 04 chương trình đột phá:

- Về phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông; trong đó, tập trung hiện thực hóa dự án cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư.

- Về phát triển nông nghiệp công nghệ cao; trọng tâm, là hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng mô hình nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Về phát triển du lịch, trọng tâm là phát triển nhanh, đưa Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen trở thành Khu du lịch đẳng cấp của khu vực và quốc gia, là tâm điểm dẫn dắt, kết nối lan tỏa du lịch địa phương và khu vực Đông Nam bộ.

- Về phát triển nguồn nhân lực gắn với cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin; trong đó, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống chính trị và các thành phần kinh tế, nâng cao các chỉ số PCI, ICT, PAPI và PAR Index; xây dựng môi trường đầu tư thân thiện, thông thoáng, minh bạch, có

sức cạnh tranh; từng bước thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số, đô thị thông minh.

5.2. Tháo gỡ những bất cập, yếu kém về quy hoạch, đất đai, đầu tư. Xây dựng quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chất lượng, bảo đảm tư duy tầm nhìn dài hạn; tích hợp đồng bộ các quy hoạch ngành, nhất là quy hoạch giao thông, đô thị, công nghiệp và có tính kết nối liên thông quy hoạch vùng đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về đất đai, đưa đất đai trở thành nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển.

5.3. Nghiên cứu tạo động lực mới thúc đẩy kinh tế cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế; hình thành trục hành lang phát triển công nghiệp, đô thị dọc tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài để tạo đà thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh trong dài hạn.

Phấn khởi trước những thành tựu đã đạt được, với khát vọng vươn lên mạnh mẽ, với quyết tâm chính trị thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tỉnh nhà tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, ý chí vươn lên, đoàn kết, chung sức, đồng lòng, nỗ lực phấn đấu, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, tạo bước đột phá thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững, vì cả nước và cùng cả nước phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Tâm